

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – TP. HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1188/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông **Vũ Văn N**, sinh năm 1989

Địa chỉ thường trú: **Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương**

Chỗ ở hiện nay: **4 T, tổ F, khu phố D, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

- Bà **Lê Thị Minh N1**, sinh năm 1995

Địa chỉ thường trú: **Thôn Trung Đồng 3, Vạn Bình, Vạn Ninh, Khánh Hòa**

Chỗ ở hiện nay: **614/64, Tổ F, khu phố A, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh**

**NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc và căn cứ lời khai của đương sự trong quá trình tố tụng, Tòa án nhận định:

[1] Ông **Vũ Văn N** và bà **Lê Thị Minh N1** chung sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã H), huyện T, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 09 tháng 7 năm 2019. Như vậy, hôn nhân giữa ông **Vũ Văn N** và bà **Lê Thị Minh N1** là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian chung sống vợ chồng thực tế có phát sinh mâu thuẫn, do không phù hợp về tính cách, không có sự quan tâm chia sẻ với nhau, bất đồng

quan điểm trong việc nuôi dạy con, mâu thuẫn về tiền bạc, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2022. Đến nay, ông N và bà N1 xác định không thể chung sống với nhau được nữa. Xét tình trạng mâu thuẫn giữa ông Vũ Văn N và bà Lê Thị Minh N1 đã trầm trọng, cuộc sống chung thực sự không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông N và bà N1 yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông bà là có cơ sở.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên Vũ Lê Huyền A, sinh ngày 18/4/2019. Hai bên thỏa thuận giao con chung cho bà N1 nuôi dưỡng, ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Ngày 06 tháng 6 năm 2024, Tòa án đã lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, con chung và tài sản chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Văn N và bà Lê Thị Minh N1 thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 09 tháng 7 năm 2019 do Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã H), huyện T, tỉnh Hải Dương cấp cho ông Vũ Văn N và bà Lê Thị Minh N1 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Vũ Lê Huyền A, sinh ngày 18/4/2019.

Giao con chung tên Vũ Lê Huyền A cho bà Lê Thị Minh N1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông Vũ Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mức cấp dưỡng là 4.000.000 đồng/1 tháng (bốn triệu đồng trên một tháng), kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể

quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

Trường hợp ông **Vũ Văn N** không tự nguyện thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con thì bà **Lê Thị Minh N1** có quyền yêu cầu Thi hành án. Kể từ ngày bà **N1** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông **N** chưa trả hết tiền cấp dưỡng thì còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm (mười phần trăm một năm) tương ứng với thời gian chậm trả.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mỗi người phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí mà ông **Vũ Văn N** và bà **Lê Thị Minh N1** đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026970 ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông **N** và bà **N1** đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Nơi nhận:*

- Dương sự;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- UBND xã Hồng Phong, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Hồ Thị Thu Hiền**